

Bản án số: 53/2020/DS-ST
Ngày 14 – 7 – 2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Trúc Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Mầm

Ông Lê Quốc Thới

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Vui - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

Trong ngày 14 tháng 7 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2020/TLST- DS, ngày 07 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2020/QĐXXST-DS, ngày 19 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Võ Thị Kiều T, sinh năm 1986 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp 7, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Ông Ngô Văn T, sinh năm 1954 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Cà Mau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Ngô Thị D, sinh năm 1958 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16.12.2019 và các lời khai tại Tòa án chị Võ Thị Kiều T (Nguyên đơn) trình bày:

Ngày 26/01/2018 âm lịch ông T và vợ là bà D có vay của chị số tiền là 60.000.000 đồng, lãi suất 6%/tháng, có làm biên nhận nợ. Sau khi vay, ông T và bà D có trả lãi cho chị số tiền là 7.200.000 đồng. Nay chị yêu cầu ông T, bà D trả số

tiền vay vốn là 60.000.000 đồng tiền và lãi phát sinh từ khi vay cho đến nay theo quy định.

Đối với ông Ngô Văn T và bà Ngô Thị D đã được thông báo thụ lý vụ án và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án để tham gia tố tụng và cũng không có bất cứ văn bản nào thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Kiều T. Mặt khác, ông T và bà D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không có người đại diện tham gia phiên tòa. Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Cụ thể là tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

Ông T và bà D có địa chỉ cư trú tại ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với ông T, bà D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt và không có người đại diện tham gia phiên tòa. Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị Thắm và anh Hoàng Anh theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2] Qua xét hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, nhận định của Tòa án về nội dung tranh chấp của vụ án như sau:

Phía chị T yêu cầu ông T, bà D trả số tiền vay là 60.000.000 đồng và lãi suất. Ông T, bà D không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T.

Tại hồ sơ thể hiện, chị T cung cấp biên nhận vay tiền nội dung: “*Tôi tên Ngô Văn T và vợ là Ngô Thị D có mượn của cháu Võ Thị Kiều T một số tiền là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) và tôi hứa đến ngày 26/01/2019 âm lịch. Tôi sẽ hoàn lại đầy đủ số tiền là: 60.000.000 đồng (Sáu chục triệu đồng) cho cháu T*” và ông T, bà D có ký tên vào tờ biên nhận nợ. Phía ông T, bà D không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T. Ông T và bà D cùng ký biên nhận vay của chị T số tiền là 60.000.000 đồng, hôn nhân giữa ông T, bà D từ trước đến nay vẫn còn tồn tại. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của chị T về việc yêu

cầu ông T, bà D trả số tiền vay vốn là 60.000.000 đồng là có căn cứ và có cơ sở chấp nhận.

Đối với lãi suất:

Tại hồ sơ thể hiện, ông T, bà D vay tiền của chị T ngày 26 tháng 01 năm 2018 âm lịch đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 14.7.2020 dương lịch (Ngày 24.5.2020 âm lịch) là 27 tháng 28 ngày.

$60.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/năm \times 27 \text{ tháng } 28 \text{ ngày} = 13.966.000 \text{ đồng}$ (Làm tròn).

Chị T xác định trong quá trình vay ông T và bà D đã trả lãi số tiền là 7.200.000 đồng. Phía ông T, bà D không có ý kiến về lãi suất nên chấp nhận số tiền lãi ông T và bà D đã trả là 7.200.000 đồng.

Sau khi đối trừ, số tiền ông T, bà D có nghĩa vụ trả cho chị T là: (Vốn 60.000.000 đồng + lãi suất 13.966.000 đồng) – 7.200.000 đồng = 66.766.000 đồng.

Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử buộc ông T và bà D có nghĩa vụ liên đới trả cho chị T số tiền tổng cộng là 66.766.000 đồng.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch*: Ông T, bà D phải chịu đối với số tiền có nghĩa vụ trả cho chị T là 66.766.000 đồng $\times 5\% = 3.338.000$ đồng (Làm tròn).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các điều 26, 35, 39, 147, 227, 271, 273, 278 và 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 166, 357, 468 Bộ luật dân sự.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Kiều T đối với ông Ngô Văn T và bà Ngô Thị D.

Buộc ông Ngô Văn T và bà Ngô Thị D có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Võ Thị Kiều T số tiền là 66.766.000 đồng (Sáu mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

Đối với số tiền kể từ ngày chị Võ Thị Kiều T có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Ngô Văn T và bà Ngô Thị D không thi hành xong thì còn phải chịu lãi theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Ngô Văn T và bà Ngô Thị D phải chịu số tiền là 3.338.000 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Chị Võ Thị Kiều T không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 1.500.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005036, ngày 07 tháng 01 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, chị Võ Thị Kiều T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Ngô Văn T và bà Ngô Thị D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Trúc Hằng